TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST - HNGĐ ngày 10/3/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ : Thôn TB 1, xã TN, huyện TH, tỉnh TH1;

Chị N vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978; Địa chỉ : Thôn TB 1, xã TN, huyện TH, tỉnh TH1;

Anh S vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023, bản tự khai ngày 10/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TH, tỉnh TH1 vào ngày 03/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp, anh S hay chửi bới, xúc phạm chị N, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Tùng sinh ngày 16/01/2005 và cháu Nguyễn Thùy Dương sinh ngày 15/5/2006. Ly hôn chị N

yêu cầu được nuôi cháu Tùng, đề nghị giao cháu Dương cho anh S nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại đơn đề nghị ngày 03/4/2023 chị N đề nghị giao cả 02 con chung cho anh S nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh S.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2023, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh Nguyễn Văn S kết hôn với chị Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TH, tỉnh TH1 vào ngày 03/6/2003, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên đã cố gắng vì con cái nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay; Nay chị N xin ly hôn anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N và anh S được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Tùng sinh ngày 16/01/2005 và cháu Nguyễn Thùy Dương sinh ngày 15/5/2006. Ly hôn anh S đề nghị được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N và anh S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh S.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, hai bên không ngồi lại được với nhau tại Tòa án để tiến hành hòa giải mà đều mong muốn ly hôn và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nữa; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị N và anh S thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu Tùng sinh ngày 16/01/2005 và Nguyễn Thùy Dương sinh ngày 15/5/2006, chị N xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Hữu Tùng sinh ngày 16/01/2005 và Nguyễn Thùy Dương sinh ngày 15/5/2006, có ghi họ tên bố là anh Nguyễn Văn S, họ tên mẹ là Nguyễn Thị N, như vậy đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Hữu Tùng và Nguyễn Thùy Dương là con chung của chị N và anh S. Chị N và anh S không tranh chấp về việc nuôi con sau ly hôn và có chung đề nghị nếu ly hôn thì chị N và anh S thống nhất giao 02 con chung cho anh S nuôi

dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của anh Tùng và cháu Dương đều mong muốn ở với anh S nếu bố mẹ ly hôn; Hiện tại anh Nguyễn Hữu Tùng đã thành niên và tự lập được nên Tòa án không xem xét việc giao nuôi anh Tùng; Cháu Dương có nguyện vọng được ở với anh S, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao cháu Dương cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh S, chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Dương cùng anh S.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thùy Dương sinh ngày 15/5/2006 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn S.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2021/0006155 ngày 10/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị N, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện TH;*
- *TAND tỉnh TH1;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thu **Lê Dũng Tấn** **Hoàng Văn Đạt**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh TH1;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hùng **Trần Công Lâm** **Hoàng Văn Đạt**